

PHẠT TIỀN VỚI TÍNH CHẤT LÀ HÌNH PHẠT BỔ SUNG TRONG LUẬT HÌNH SỰ NƯỚC TA VÀ NHỮNG KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

Trịnh Quốc Toàn^(*)

Trong Luật hình sự (LHS) Việt Nam, phạt tiền có vị trí khá quan trọng, nó góp phần tạo nên tính đa dạng của hệ thống hình phạt. Cùng với tịch thu tài sản, phạt tiền là loại hình phạt bổ sung (HPBS) có tính chất kinh tế mà mục đích chính là đánh vào tiềm lực kinh tế, tài sản của người phạm tội nhằm ngăn ngừa họ phạm tội mới, đồng thời nó cũng góp phần không nhỏ vào việc thực hiện mục đích ngăn ngừa chung của hình phạt.

So với BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 đã mở rộng đáng kể phạm vi áp dụng hình phạt tiền, đó là một bước tiến trong việc xây dựng pháp luật, phù hợp với nền kinh tế thị trường, và công cuộc đổi mới, nhất là trong giai đoạn hiện nay khi đất nước ta đang phải đương đầu với hàng loạt loại tội phạm, đặc biệt là các loại tội phạm kinh tế, các tội xâm phạm sở hữu tài sản, các tội phạm về môi trường, ma túy...

Trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta thời gian qua cho thấy hình phạt tiền nhất là với tư cách là HPBS đã được các toà án chú ý áp dụng nhiều so với các loại HPBS khác. Tuy nhiên, nó vẫn chưa thực sự phát huy tốt được vai trò, tác dụng của mình, trong thực tế, hiệu quả đạt được của hình phạt tiền còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay, bởi lẽ còn có những thiếu sót nhất định trong

lập pháp hình sự quy định về hình phạt này cũng như trong thực tiễn áp dụng và thi hành nó của các cơ quan chức năng. Do đó, bài viết nghiên cứu phạt tiền với tư cách là HPBS với lịch sử phát triển, các quy định PLHS hiện hành và thực tiễn áp dụng hình phạt này để thấy được những thành tựu cũng như những bất cập để trên cơ sở đó đưa ra những kiến nghị phù hợp nhằm tiếp tục hoàn thiện.

1. Phạt tiền là HPBS trong lịch sử lập pháp hình sự của nước ta từ năm 1945 đến nay

1.1. Trong lịch sử phát triển của LHS Việt Nam, phạt tiền đã tồn tại từ rất lâu, nó có trong hệ thống hình phạt của nhiều chế độ. Tuy nhiên ở mỗi chế độ khác nhau thì hình thức, nội dung, mục đích của hình phạt tiền lại được thể hiện một cách khác nhau.

Nghiên cứu lịch sử phát triển của LHS nước ta từ sau cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công cho thấy, trong điều kiện Nhà nước chưa xây dựng được hệ thống pháp luật kiểu mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành Sắc lệnh số 47 ngày 10/10/1945 cho phép tạm thời áp dụng pháp luật của chế độ cũ với điều kiện không trái với nguyên tắc độc lập của nước Việt Nam và chính thể Dân chủ Cộng hòa. Chiểu theo Sắc lệnh này, chúng ta đã áp dụng một số điều luật quy định về HPBS trong 3 BLHS của chế

^(*) ThS, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

độ cũ có hiệu lực áp dụng ở 3 kỳ, đó là BLHS Bắc kỳ hay còn gọi là Hình luật An Nam; BLHS Trung kỳ còn gọi là Hình luật Hoàng Việt; BLHS Pháp tu chính còn được gọi là Hình luật Canh cải. Nhưng đồng thời Chính phủ cũng đã ban hành các đạo luật hình sự mới để kịp thời bảo vệ các thành quả của cách mạng. HPBS mà trong đó có phạt tiền đã được nhà làm luật quy định rất sớm.

Điều 12 Sắc lệnh số 68 ngày 30/11/1945 (được sửa đổi theo Sắc lệnh số 100/SL ngày 30/5/1950) về các tội vi phạm thể lệ trưng thu, trưng dụng, trưng tập đã quy định người không tuân hành lệnh trưng tập sẽ bị Tòa án phạt tù từ 6 ngày đến 3 tháng, và phạt tiền từ 199đ đến 2000đ hoặc một trong hai hình phạt ấy. Nếu tái phạm thì sẽ bị phạt tù từ 2 tháng đến 2 năm, và bị phạt tiền từ 300đ đến 20000đ (khoản 1). Người không tuân hành lệnh trưng thu, trưng dụng sẽ bị phạt tù từ 1 tháng đến 1 năm và một số tiền ít nhất bằng giá trị vật sản bị trưng thu hay trưng dụng. Nếu tái phạm thì sẽ bị phạt tù từ 3 tháng đến 3 năm, và một số tiền ít nhất bằng hai lần giá trị vật sản bị trưng thu hay trưng dụng. Ngoài ra, động sản hay bất động sản ghi trong lệnh trưng thu hay trưng dụng còn có thể bị tịch thu... (khoản 2). Như vậy, ở Sắc lệnh này, nhà làm luật đã quy định 2 HPBS: phạt tiền và tịch thu tài sản, trong đó phạt tiền được áp dụng với tư cách hoặc là hình phạt chính được tuyên độc lập hoặc là HPBS kèm theo hình phạt tù có thời hạn.

Điều 6 Sắc lệnh số 45 ngày 5/4/1946 về các tội vi phạm thể lệ về lạc quyền, số số đã quy định “người vi phạm sẽ bị phạt tù từ 2 tháng đến 6 tháng tù và phạt tiền

từ 2000đ đến 20000đ hoặc chỉ bị một trong hai hình phạt ấy. Ngoài ra những tiền đã quyền được hay đã thu được trong sổ số trái phép sẽ phải hoàn trả lại cho những người đã quyền hay đã mua vé xổ số”.

Điều 3 Sắc lệnh số 61/SL ngày 5/7/1947 cấm xuất cảng tư bản quy định người phạm vào Sắc lệnh này sẽ bị phạt: 1/ tiền gấp ba lần số tư bản định xuất cảng hay nhập nội. 2/ tù từ 1 tháng đến 2 năm hoặc một trong những hình phạt ấy.

Sắc lệnh số 168/SL ngày 14/4/1948 quy định người nào tổ chức đánh bạc và gá bạc đều bị phạt tù từ 2 năm đến 5 năm và phạt bạc từ 10000đ đến 100000đ. Những người đánh bạc sẽ bị phạt tù từ 1 năm đến 3 năm và phạt bạc từ 5000đ đến 50000đ.

Sắc lệnh số 68/SL ngày 18/5/1949 về các tội làm hư hỏng công trình thủy nông phạt tiền từ 100 đến 100000đ, phạt tù từ 10 ngày đến 2 năm... hoặc một trong hai hình phạt trên. Ngoài ra can phạm còn phải bồi thường để sửa chữa những sự hư hỏng đã làm ra (Điều 8).

Sắc lệnh số 69/SL ngày 18/6/1949 cho phép các bị cáo có thể nhờ một công dân không phải là luật sư bênh vực trước các Tòa án có quy định “người nào để lộ bí mật đã biết trong khi xem hồ sơ hoặc trong cuộc thẩm vấn tại phiên tòa mà công chúng không được dự thính bị phạt tù từ 1 năm đến 5 năm và từ 1.000đ đến 10.000đ”.

Sắc lệnh số 123/SL ngày 27/10/1949 vi phạm thể lệ chữa bệnh, chế thuốc... Tại Điều 2 quy định những người không có bằng cấp nói ở Điều 1 mà chữa bệnh theo lối Âu - Mỹ sẽ bị truy tố trước pháp luật.

Bị can sẽ bị phạt tù từ 1 tháng đến 6 tháng tù và từ 1000đ đến 10000đ, hoặc một trong hai hình phạt ấy. Điều 3 quy định nếu tái phạm bị can sẽ bị phạt tù từ 6 tháng đến 2 năm tù, và từ 10000đ đến 20000đ.

Sắc lệnh số 89/SL ngày 22/5/1950 cấm việc cho vay lãi chồng thành gốc. Theo Điều 6 Sắc lệnh này thì người phạm tội sẽ bị trừng phạt: Lần đầu tiên phạt tiền bằng từ 1 đến gấp 3 lần số tiền gốc đã cho vay. Nếu tái phạm bị phạt tù từ 1 tháng đến 1 năm hoặc phạt cả tù lẫn tiền.

Theo Điều 1 Sắc lệnh số 128/SL ngày 17/7/1950 vi phạm thể lệ công văn, thư tín, những kẻ phạm tội bóc lột, ăn cắp hay thủ tiêu công văn của Chính phủ sẽ bị truy tố trước Tòa án và phạt tù từ 6 tháng đến 2 năm, phạt tiền từ 1000đ đến 10000đ, hay một trong hai hình phạt ấy. Điều 2 quy định những kẻ phạm tội bóc lột, ăn cắp hay thủ tiêu thư từ của tư nhân sẽ bị truy tố trước Tòa án và phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm, phạt tiền từ 500đ đến 5000đ, hay một trong hai hình phạt ấy. Những tòng phạm bị phạt như chính phạm.

Điều 2 Sắc lệnh số 180/SL ngày 20/12/1950 quy định những người không chịu tiêu tiền của Chính phủ đã cho phép lưu hành hoặc từ chối không tiêu một số tiền rách từ 100đ sẽ bị phạt tù từ 1 tháng đến 1 năm và tiền từ 500đ đến 10000đ hoặc một trong hai hình phạt ấy.

Nghị định số 2-QTND-LB ngày 12/4/1951 của Liên bộ CN-NV-TP ấn định thể lệ bài trừ dịch tễ quy định những người làm trái những luật lệ bài trừ dịch tễ sẽ bị truy tố trước Tòa án và

sẽ bị phạt tiền từ 1000đ đến 20000đ. Nếu tái phạm sẽ bị phạt tiền từ 2000đ đến 40000đ, và phạt tù từ 1 tháng đến 6 tháng, hoặc một trong hai hình ấy.

Nghị định số 150/TTg ngày 5/3/1952 của Thủ tướng chính phủ được sửa đổi và bổ sung theo Nghị định 225/TTg ngày 22/12/1952, Nghị định 580/TTg ngày 15/9/1955 về tội phạm vi phạm thể lệ quản lý thuốc phiện. Những người có hành vi tàng trữ, vận chuyển, bán trái phép nhựa thuốc phiện hoặc thuốc phiện đã nấu rồi sẽ bị phạt tù từ 3 tháng đến 5 năm; phạt tiền từ 1 đến 5 lần trị giá số thuốc phiện lậu; tịch thu tang vật.

Điều 6 Nghị định số 32/NĐ ngày 6/4/1952 của Bộ Tư pháp đã hướng dẫn tiền phạt được tính theo giá gạo, cụ thể tiền phạt vi cảnh tối đa bằng giá 5 kg gạo. Theo Điều 7 thì riêng về tội đánh bạc, tiền phạt ấn định ở Điều 2 Sắc lệnh số 168 bằng giá 200 đến 1000kg gạo đối với người tổ chức và bằng giá 100 đến 500kg với các con bạc; Về việc bảo vệ công trình thuỷ nông tiền phạt tối đa ấn định ở Điều 8 Sắc lệnh số 68 năm 1949 là 1000kg.

Thông tư số 113/VHH ngày 6/4/1952 của Bộ tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định trên đã xác định rõ là để định tiền phạt: giá gạo ấy là giá gạo nơi trụ sở Tòa án xét xử và khi tuyên án. Mức tối đa và tối thiểu tiền phạt tuy lấy số gạo làm tiêu chuẩn, nhưng khi Tòa án tuyên phạt tiền phạt phải tính ra tiền và đơn vị vẫn là đồng bạc tài chính.

1.2. Từ ngày hoà bình lập lại, cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới, Nhà nước ta tiếp tục ban hành nhiều văn

bản pháp luật hình sự mới có liên quan tới các HPBS trong đó có phạt tiền.

Điều 13 Sắc lệnh số 282/SL ngày 14/12/1956 về chế độ báo chí quy định: “Báo chí nào vi phạm Điều 8, sẽ bị trừng phạt: tịch thu ấn phẩm, đình bản vĩnh viễn và truy tố trước Tòa án, sẽ bị phạt tiền từ 10000đ đến 50000đ, hoặc người có trách nhiệm bị phạt tù từ 1 tháng đến 1 năm, hoặc cả 2 hình phạt đó.

Báo chí nào vi phạm Điều 9 hoặc Điều 12 sẽ bị trừng phạt: tùy theo lỗi nặng nhẹ mà bị cảnh cáo, tịch thu ấn phẩm, đình bản tạm thời, đình bản vĩnh viễn, hoặc bị truy tố trước Tòa án, có thể bị phạt tiền từ mười vạn đồng đến một triệu đồng, hoặc người chịu trách nhiệm bị phạt tù từ 1 tháng đến 2 năm, hoặc cả 2 hình phạt đó...”.

Sắc luật số 003/SL ngày 13/6/1957 quy định về chế độ tự do xuất bản quy định tại Điều 16: “Nhà xuất bản hoặc cá nhân xuất bản nào vi phạm Điều 5, Điều 6 hoặc Điều 14 thì cơ quan có thẩm quyền sẽ tùy theo trường hợp nặng nhẹ mà tịch thu xuất bản phẩm, thu hồi tạm thời hay vĩnh viễn giấy phép, hoặc truy tố trước Tòa án. Tòa án có thể xử phạt tiền từ 100.000đ đến 500.000đ và phạt tù những người có trách nhiệm từ 1 tháng đến 1 năm, hoặc một trong hai hình phạt đó...”

Để kịp thời đối phó với những trường hợp lợi dụng những khó khăn về kinh tế và những sơ hở trong việc quản lý thị trường, những hoạt động đầu cơ trục lợi nghiêm trọng, Chính phủ được Ban thường trực Quốc hội thỏa thuận đã ban hành Sắc luật số 001/SLT ngày 19/4/1957 cấm chỉ mọi hành vi đầu cơ về

kinh tế. Sắc luật này do Nghị quyết ngày 14/9/1957 của Quốc hội sửa đổi và bổ sung quy định ở Điều 3 như sau “...Những người bị truy tố trước Tòa án có thể bị phạt tiền từ 10.000đ đến 100.000.000đ và phạt tù từ 1 tháng đến 5 năm, hoặc một trong hai hình phạt trên. Ngoài ra, số hàng hoá phạm pháp sẽ bị tịch thu một phần hay toàn bộ, hoặc bị trưng mua”. Theo Thông tư số 313-BTN-LB ngày 17/5/1957 của Liên Bộ TN-TC-TP-CA giải thích Sắc luật này thì Tòa án có thể áp dụng 1 trong 3 hình phạt hoặc cả 3 hình phạt đó.

Khoản 2 Điều 2 Pháp lệnh ngày 13/10/1966 về cấm nấu rượu trái phép quy định người phạm tội có thể bị phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm và phạt tiền từ 100đ đến 500đ hoặc một trong hai hình phạt ấy. Nếu có nhiều tình tiết nghiêm trọng thì can phạm có thể bị phạt tù đến 2 năm, và phạt tiền đến 1000đ hoặc một trong hai hình phạt này.

Đến đầu những năm bảy mươi của thế kỷ XX, trước yêu cầu của công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc, tăng cường pháp chế XHCN, góp phần tiếp tục xây dựng và bổ sung các chính sách, chế độ nhằm cải tiến và nâng lực quản lý kinh tế tài chính, góp phần ngăn chặn những hành động xâm phạm đến tài sản của nhà nước và của công dân đang diễn biến phức tạp, góp phần đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và đạo đức XHCN, nâng cao ý thức tôn trọng và bảo vệ tài sản xã hội, ý thức lao động chân chính, ý thức trách nhiệm trong cán bộ và công dân, ngày 21/10/1970 UBTVQH đã ban hành Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN và

Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân.

Điều 20 Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN quy định hình phạt phụ như sau: Người nào phạm một trong những tội quy định tại các điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, ngoài hình phạt chính đã quy định trong mỗi điều luật về tội phạm trên, thì tùy vào tính chất nghiêm trọng của tội phạm hoặc nguồn thu lợi bất chính mà có thể bị phạt tiền từ 50đ đến 5000đ hoặc bị tịch thu một phần hay là toàn bộ tài sản. Điều 16 Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân cũng quy định ngoài hình phạt chính đã quy định trong mỗi điều luật về tội phạm trên, Tòa án có thể áp dụng hình phạt tiền từ 50đ đến 500đ hoặc bị tịch thu một phần hay là toàn bộ tài sản.

1.3. Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng. Trong khi chờ đợi thống nhất đất nước về mặt nhà nước, Chính phủ cách mạng lâm thời Miền Nam Việt Nam đã ban hành nhiều chính sách và văn bản pháp luật quan trọng, trong đó phải kể đến Sắc luật số 03 SL/76, ngày 15/03/1976 quy định các tội phạm và hình phạt nhằm trấn áp bọn phản cách mạng, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội ở nửa đất nước mới được giải phóng. Sau đó tháng 4/1976 Bộ tư pháp ban hành Thông tư số 03-BTP/TT hướng dẫn thi hành Sắc luật này. Các văn bản pháp luật trên đều có quy định rõ phạt tiền vừa có thể áp dụng là hình phạt chính vừa có thể được áp dụng là hình phạt phụ kèm theo hình phạt tù có thời hạn

đối với người phạm một trong những tội phạm về kinh tế.

Sau khi nước nhà thống nhất về mặt nhà nước cho đến khi pháp điển hoá lần thứ nhất LHS, Hội đồng Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh ngày 20/5/1981 về trừng trị tội hối lộ đã quy định rõ phạt tiền là HPBS “Người phạm tội hối lộ nói ở Điều 2 và Điều 3 của Pháp lệnh này còn có thể bị phạt tiền từ 1 đến 3 lần giá trị của hối lộ. Người phạm tội hối lộ nói ở Điều 5 và Điều 6 có thể bị phạt tiền đến 5 lần giá trị của hối lộ hoặc bị tịch thu một phần hay là toàn bộ tài sản của mình” (Điều 7). Pháp lệnh ngày 30/6/1982 về trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép cũng có quy định phạt tiền là HPBS.

Tóm lại, Kết quả nghiên cứu cho thấy ngay từ sau Cách mạng tháng tám năm 1945 cho đến khi có BLHS năm 1985, nhà nước ta đã quan tâm nhiều tới việc xây dựng chế định HPBS. Từ chỗ lúc đầu chỉ có hình phạt tiền và tịch thu tài sản là những HPBS, qua quá trình phát triển và hoàn thiện HPBS đã trở thành một chế định quan trọng không thể thiếu được trong LHS của Nhà nước ta, góp phần tích cực và có hiệu quả vào cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Có thể liệt kê những HPBS được áp dụng trong thời kỳ trước khi có BLHS năm 1985 như sau:

- Hình phạt vừa là chính vừa là phụ (bổ sung): Quản chế; Phạt tiền; Tịch thu tài sản.

- Hình phạt phụ (bổ sung): Cấm thực hành một số nghề nghiệp nhất định;

Tước một số quyền công dân từ 2 năm đến 5 năm; Cư trú bắt buộc và cấm cư trú.

Trong số các HPBS trên, phạt tiền luôn chiếm vị trí quan trọng, được quy định áp dụng phổ biến nhất. Tuy còn có những nhược điểm nhất định như vào giai đoạn đầu các văn bản pháp luật hình sự quy định hình phạt tiền còn lẫn lộn với các biện pháp cưỡng chế hành chính, không có sự phân biệt rành mạch giữa hình phạt chính với phạt tiền với tư cách là HPBS. Sau này, mặc dù trong các pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm sở hữu năm 1970 nhà làm luật đã phân biệt phạt tiền là HPBS với các hình phạt chính. Nhưng vẫn có những hạn chế về kỹ thuật lập pháp là đối với các loại hình phạt nói chung (trong đó có phạt tiền), các đạo luật hình sự đơn hành chỉ quy định rất chung chung về tên hình phạt, chú không nêu rõ được nội dung, phạm vi, điều kiện, thời hạn áp dụng đối với từng loại hình phạt. Những thiếu sót trên là do những nguyên nhân khác nhau. Thời kỳ đó Nhà nước ta chưa có điều kiện pháp điển hoá luật Hình sự, để quy định toàn diện và thống nhất những vấn đề về tội phạm và hình phạt cũng như các vấn đề khác có liên quan tới TNHS. Tất cả các văn bản pháp luật hình sự trước đây đều là những văn bản đơn hành (sắc luật, sắc lệnh, pháp lệnh, thậm chí cả văn bản của Chính phủ như nghị định, thông tư...), mỗi văn bản chỉ quy định một vấn đề riêng biệt. Trong nhiều trường hợp, có những quy định về tội phạm và hình phạt lại chứa đựng, thể hiện trong các văn bản quy phạm hành chính. Do thực trạng như vậy, cho nên PLHS thiếu đồng bộ, thiếu thống nhất, có nhiều chỗ hổng, và bắt buộc phải cho

phép áp dụng nguyên tắc tương tự, dẫn đến lấy chính sách, chỉ thị của Đảng, lấy kinh nghiệm xét xử của Tòa án (án lệ) để thay thế cho những lỗ hổng của pháp luật.

1.4. Trên cơ sở kế thừa và phát triển những thành tựu PLHS nước ta trước đây, đồng thời khắc phục những hạn chế, thiết sót nêu trên, BLHS năm 1985 thể hiện rõ CSHS của Nhà nước, quy định một cách thống nhất, tổng thể và có hệ thống trong cùng một văn bản những vấn đề về tội phạm và hình phạt. Từ khi BLHS có hiệu lực đến nay do yêu cầu của công tác đấu tranh với tình hình tội phạm trong giai đoạn mới - giai đoạn đổi mới đất nước. Nhà nước ta đã bốn lần ban hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của BLHS vào các năm 1989, 1990, 1992 và 1997.

Về chế định HPBS, BLHS năm 1985 đã quy định phạt tiền ở Phần chung và Phần các tội phạm của Bộ luật này.

Hình phạt tiền theo BLHS năm 1985 được quy định với phạm vi còn hạn hẹp, là hình phạt chính phạt tiền chỉ được quy định tại 6 điều luật và là hình phạt chính được lựa chọn chứ không phải là hình phạt chính độc lập, còn lại phạt tiền chủ yếu được quy định là HPBS. Bên cạnh đó phạt tiền được quy định với giới hạn tối thiểu và tối đa rất rộng (nhiều trường hợp luật không quy định mức tối thiểu mà chỉ quy định mức tối đa). Trong thực tế, áp dụng mức phạt tiền thường là thấp, không đáp ứng được đòi hỏi vốn có của hình phạt đó là sự trừng trị và giáo dục. Tuy nhiên, cũng cần nhấn mạnh rằng với sự thay đổi của cơ chế kinh tế, sự biến động của các điều kiện kinh tế-xã hội, văn hoá... không chỉ đối với hình

phạt tiền mới tồn tại những hạn chế mà các hình phạt khác cũng bộc lộ những khiếm khuyết đòi hỏi phải khắc phục ngay. Chính vì vậy vấn đề đặt ra là phải sửa đổi, bổ sung hệ thống hình phạt nói chung và hình phạt tiền nói riêng là thực sự cần thiết.

Đáp ứng yêu cầu đó, ngày 21/12/1999 Quốc hội đã thông qua BLHS năm 1999. Tại Điều 30 của BLHS, hình phạt tiền được quy định rõ ràng và cụ thể hơn cả về nội dung, điều kiện và phạm vi áp dụng so với trước. Tại Điều luật này nhà làm luật đã phân định rõ giữa hình phạt tiền với tư cách là hình phạt chính và phạt tiền là HPBS đồng thời đã quy định mức tối thiểu của phạt tiền là không dưới 1 triệu đồng. Căn cứ vào tính chất, mức độ nghiêm trọng của từng loại tội phạm cụ thể, điều luật về tội phạm sẽ quy định mức phạt từ tối thiểu đến mức tối đa hoặc chỉ quy định mức tối đa. Cũng tại Điều 30, để đảm bảo việc thi hành án có hiệu quả, nhà làm luật quy định Tòa án có thể quyết định trong bản án là người bị kết án có thể được nộp tiền phạt một lần hoặc nhiều lần.

Trong phần các tội phạm của BLHS quy định phạt tiền với tư cách là hình phạt chính trong 68 trên tổng số 263 điều luật về tội phạm đối với người phạm tội ít nghiêm trọng xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính và một số tội phạm khác do BLHS quy định. Hình phạt tiền với tư cách là HPBS được quy định ở 100 trên 263 điều luật đối với người phạm các tội tham nhũng, ma tuý hoặc những tội phạm khác do BLHS quy định.

Việc mở rộng phạm vi áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng như HPBS nhằm phát huy ưu điểm về tính đa dạng của hệ thống hình phạt, giúp cho việc nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng và chống tội phạm, nhất là các tội phạm về kinh tế, các tội xâm phạm trật tự công cộng, trật tự quản lý hành chính, các tội phạm về môi trường.

Như vậy, có thể thấy hình phạt tiền đã có một quá trình lịch sử phát triển lâu dài. Từ chỗ PLHS quy định còn quá chung chung, lẻ tẻ và chưa thống nhất thì ngày nay chúng ta đã có một chế định hình phạt tiền khá hoàn thiện, phù hợp với CSHS của nhà nước ta trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN và hội nhập quốc tế. Với các quy định của BLHS năm 1999, hình phạt tiền với 2 tư cách là hình phạt chính và là HPBS khi không áp dụng là hình phạt chính đã ngày càng trở thành công cụ hữu hiệu và vô cùng quan trọng trong công cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm hiện nay.

2. Khái niệm, nội dung, điều kiện và phạm vi áp dụng hình phạt tiền theo pháp luật hình sự hiện hành

2.1. Phạt tiền được hiểu là một trong những biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nhà nước được Tòa án quyết định đối với người bị kết án về những tội phạm do BLHS quy định nhằm tước một khoản tiền nhất định của họ sung vào kho bạc của nhà nước, góp phần thực hiện các chức năng của LHS.

Điều 30 BLHS năm 1999 quy định phạt tiền với vai trò lưỡng tính, nó vừa là hình phạt chính vừa là HPBS. Với tư cách là HPBS, phạt tiền được Tòa án áp

dụng đối với những người bị kết án về các tội phạm tham nhũng, ma túy hoặc những tội phạm khác do Bộ luật này quy định thông qua việc buộc họ phải nộp một khoản tiền nhất định sung vào kho bạc nhà nước. Bằng nội dung pháp lý này, hình phạt tiền tác động trực tiếp vào cơ sở kinh tế của người phạm tội, hỗ trợ cho hình phạt chính trong việc cải tạo, giáo dục người phạm tội, tránh sự tái phạm của họ. Đồng thời phạt tiền qua đó còn thực hiện mục đích răn đe, phòng ngừa chung đối với các cá nhân trong xã hội.

2.2. Khoản 2 Điều 30 BLHS năm 1999 không có quy định cụ thể phạt tiền là HPBS được áp dụng kèm theo hình phạt chính nào và với loại tội phạm nào trong số 4 nhóm tội phạm được phân loại tại Điều 8 của Bộ luật này. Căn cứ vào lời văn của Khoản 2 Điều 30 có thể hiểu phạt tiền là HPBS được áp dụng kèm theo tất cả các loại hình phạt chính trừ hình phạt tử hình và đối với người phạm các tội mà điều luật về tội phạm trong phần các tội phạm của BLHS có quy định hình phạt này, nhưng trước hết là đối với các tội về tham nhũng, ma túy.

Ở phần các tội phạm BLHS năm 1985, các HPBS, trong đó có phạt tiền được quy định riêng tại điều luật ở cuối mỗi chương. Phạt tiền với tư cách là HPBS được quy định cho các tội phạm trong 56 điều luật, cụ thể là các điều 88, 90, 91, 95, 96, 97, 98, 99, 129, 130, 131, 132, 133, 134, 134a, 135, 137, 137a, 138, 141, 164, 165, 166, 167, 168, 169, 171, 172, 173, 177, 178, 179, 181, 183, 185b, 185c, 185d, 185đ, 185e, 185g, 185h, 185i, 185k, 199, 200, 201, 202, 221, 221a, 224, 226, 227, 228, 228a.

Trong số tội phạm nêu trên có những tội BLHS quy định áp dụng phạt tiền là HPBS bắt buộc, đó là các tội quy định tại điều 97, từ điều 185b-185k và các điều 185m, 185n, từ điều 199-202), và từ điều 226-228a.

Trong khi đó BLHS năm 1999 đã mở rộng phạm vi áp dụng loại hình phạt này, nó được quy định tại 100 điều luật khác nhau: 120, 122, 125, 131, các tội xâm phạm sở hữu trừ các tội ở điều 141, 144, 145, các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, trừ các tội quy định tại các điều 165, 167, 169, 170 và 179, các tội phạm về môi trường, các tội phạm về ma túy trừ tội quy định tại Điều 199, điều 224-230 và các điều 206- 207, 220, 232-233, 236, 238, 240, 242-244, 247-256, 263, 266-268, 270-271, 273, 278-284, 290, 291.

Các điều luật về tội phạm nêu trên chỉ quy định có tính chất tùy nghi lựa chọn khi áp dụng hình phạt này đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể.

2.3. Về mức phạt tiền: Trong khi BLHS năm 1985 không quy định cụ thể mức phạt tiền, thì trái lại khoản 3 Điều 30 BLHS quy định mức phạt tiền thấp nhất là 01 triệu đồng, còn mức tối đa của phạt tiền là HPBS được quy định tùy thuộc vào từng loại tội phạm cụ thể. Ngoài trường hợp điều luật cụ thể quy định số tiền phạt còn có những tội nhà làm luật quy định mức phạt tiền dựa trên số lần giá trị hàng hoá phạm pháp, thu lợi bất chính... Mức tiền phạt cụ thể được quyết định tùy theo tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm được thực hiện đồng thời còn xét đến tình hình tài sản của người phạm tội, và sự biến động giá cả.

Quy định trên về mức phạt tiền thể hiện rõ CSHS linh hoạt, mềm dẻo của nhà nước ta. Theo đó, đối với mỗi tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau, khả năng gây thiệt hại ở mức độ khác nhau và bị xử lý về hình sự trong các giai đoạn của sự biến động giá cả thị trường thì mức phạt tiền cũng khác nhau. Việc cá thể hoá trách nhiệm hình sự và hình phạt như trên là cơ sở để HPBS này thực hiện tốt mục đích của nó. Mặt khác, quy định về mức phạt tiền và các căn cứ quyết định mức phạt tiền nêu trên còn nhằm đạt hiệu quả cao trong công tác thi hành hình phạt này. Trên thực tế, nếu Tòa án áp dụng mức tiền phạt thấp quá đối với những tội phạm chuyên nghiệp, luôn mang tư tưởng chủ nghĩa cá nhân, làm giàu bất chính, trục lợi... thì không đạt được mục đích hình phạt này. Trái lại, nếu Tòa án áp dụng mức hình phạt tiền quá cao so với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình hình tài sản của bị cáo và so với giá cả thị trường thì một mặt điều đó trái với mục đích của hình phạt theo LHS nước ta, mặt khác hình phạt không có tính khả thi, gây khó khăn rất lớn trong công tác thi hành án.

Trong BLHS năm 1999, song song với việc quy định về mức phạt tiền, nguyên tắc, căn cứ áp dụng hình phạt tiền thì cách thức thi hành hình phạt tiền cũng được nhà làm luật quy định cụ thể. Tại khoản 4 Điều 30 BLHS quy định: "Tiền phạt có thể được nộp một lần hoặc nhiều lần trong thời hạn do Tòa án quyết định". Quy định này tạo điều kiện tốt cho người bị kết án trong việc nộp tiền phạt. Trong thực tế, những trường hợp bị

phạt tiền có những điều kiện về kinh tế rất khác nhau, có người có thể nộp một lần số tiền phạt nhưng có người không có khả năng này. Do vậy, quy định mới nói trên của BLHS tạo điều kiện thuận lợi cho việc thi hành hình phạt của người bị kết án cũng như của cơ quan thi hành án.

Xuất phát từ nguyên tắc nhân đạo của LHS Việt Nam và cũng phù hợp với tình hình thực tế, khoản 2 Điều 588 BLHS 1999 quy định Tòa án có thể quyết định việc miễn chấp hành phần tiền phạt còn lại theo đề nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát đối với một trong hai trường hợp sau: 1) Người bị kết án phạt tiền đã tích cực chấp hành được một phần hình phạt nhưng bị lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hoả hạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra mà không thể tiếp tục chấp hành được phần hình phạt còn lại; 2) Người bị kết án phạt tiền đã tích cực chấp hành được một phần hình phạt và đã lập công lớn.

3. Thực tiễn áp dụng hình phạt tiền với tư cách là HPBS ở một số Tòa án

Tác giả đã tiến hành nghiên cứu tình hình áp dụng HPBS ở các Tòa án Hải Phòng, Bắc Ninh, Ninh Bình, Cao Bằng và Đắc Lắc, kết quả như sau:

Tòa án thành phố Hải Phòng, từ năm 1995 đến năm 2004, đã thụ lý 5318 vụ án, với tổng số bị cáo là 8713. Số vụ án có áp dụng HPBS là 1095 vụ chiếm tỷ lệ xấp xỉ 20.6%, có tổng số 1360 lượt bị cáo bị áp dụng HPBS chiếm tỷ lệ xấp xỉ 15.6% tổng số bị cáo bị Tòa án xét xử. Có 05 loại HPBS được áp dụng là quản chế, phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

tước một số quyền công dân, trục xuất. Trong đó, loại HPBS được áp dụng nhiều nhất là phạt tiền với 870 lượt. Năm 1998 có 131 lượt bị cáo bị áp dụng hình phạt tiền trên tổng số 1094 bị cáo của 680 vụ án. Đây là năm hình phạt tiền được áp dụng nhiều nhất. Từ năm 2001 đến nay tại Toà án thành phố Hải Phòng phạt tiền được áp dụng ổn định, mỗi năm có từ 110 đến 120 lượt bị cáo bị áp dụng hình phạt này. Hình phạt tiền được áp dụng chủ yếu đối với các tội phạm về ma tuý, chứa mại dâm, buôn lậu và tàng trữ, lưu hành tiền giả, phá huỷ tiền tệ, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Tại Bắc Ninh trong 5 năm (từ 2000-2004) Toà án tỉnh đã xét xử 569 vụ với 831 bị cáo. Có 221 lượt HPBS các loại được áp dụng, đạt tỷ lệ 26.6%. Năm áp dụng HPBS ít nhất là năm 2003 (11 lượt với 165 bị cáo, đạt 6.7%) và năm áp dụng HPBS nhiều nhất là năm 2000 (101 lượt với 184 bị cáo, đạt 54.9%). Số liệu thống kê cho thấy chỉ có 4 HPBS được áp dụng, trong đó phổ biến vẫn là phạt tiền và quản chế, còn cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định và tịch thu tài sản được áp dụng rất ít, cụ thể là: phạt tiền được áp dụng 136 lượt, quản chế 73 lượt, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định 07 lượt và tịch thu tài sản 05 lượt. Còn ở Toà án thị xã Bắc Ninh thì từ năm 2000 đến 2004 có 724 vụ án/835 bị cáo đã được đưa ra xét xử. Trong đó, phạt tiền là HPBS duy nhất được áp dụng với tổng số 231 lượt bị cáo và tập trung áp dụng chủ yếu vào các tội phạm về ma tuý, đánh bạc, mại dâm.

Toà án nhân dân tỉnh Đắc Lắc từ năm 1995 đến 9 tháng đầu năm 2004 đã thụ lý 3463 vụ án, với tổng số bị cáo là 5276. Số bị cáo bị áp dụng HPBS là 628. Trong đó hình phạt được áp dụng nhiều nhất là quản chế 285 lượt, phạt tiền 268 lượt, cấm cư trú 75 lượt, còn hình phạt khác chỉ áp dụng rất ít. Hình phạt tiền chủ yếu được áp dụng với các tội phạm về ma tuý, chứa hoặc tổ chức mại dâm và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Tại Ninh Bình, từ năm 1998 đến 2003 Toà án tỉnh đã xét xử 709 vụ án với 1480 bị cáo trong đó có 508 lượt bị cáo bị áp dụng HPBS. Số bị cáo bị áp dụng hình phạt đang nghiên cứu là chủ yếu và đối với các tội phạm về ma tuý, tàng trữ mua bán trái phép chất nổ, các tội phạm về mại dâm và tổ chức đánh bạc, đánh bạc.

Còn ở Cao Bằng, kết quả thống kê thực tiễn xét xử từ năm 1995 đến 2004 cho thấy các toà án của tỉnh này đã thụ lý được 3526 vụ án trên tổng số 5052 bị cáo. Trong số đó có 1078 lượt bị cáo phải chịu HPBS các loại. Các loại HPBS được áp dụng là phạt tiền 976 lượt, quản chế là 224 lượt, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định 49 lượt, tước quyền công dân 03 lượt, cấm cư trú 12 lượt và tịch thu tài sản 03. Như vậy phạt tiền là hình phạt được áp dụng nhiều nhất ở cả cấp toà án tỉnh và toà án huyện.

Nghiên cứu riêng tình hình xét xử ở cấp tỉnh thì Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã thụ lý 1368 vụ án với 2118 bị cáo. Có 731 lượt HPBS các loại được áp dụng. Năm áp dụng HPBS ít nhất là năm 1995 (13 lượt) và năm áp dụng

HPBS nhiều nhất là năm 1999 (200 lượt). Số liệu thống kê cho thấy chỉ có 6 HPBS được áp dụng, cụ thể là: phạt tiền được áp dụng 644 lượt, quản chế 151 lượt, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định 42 lượt, tước quyền công dân 03 lượt, cấm cư trú 04 lượt và tịch thu tài sản 03 lượt.

Hình phạt tiền chủ yếu được áp dụng đối với các tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Chỉ riêng với những tội này các toà án cấp tỉnh và huyện của Cao Bằng đã áp dụng hình phạt tiền đối với 824 lượt bị cáo. Ngoài ra hình phạt này còn được áp dụng với một số tội phạm khác như tội lưu hành tiền giả (44 lượt), tội đánh bạc (24 lượt), tội buôn lậu (16 lượt), tội mua bán chất nổ (19 lượt), các tội phạm về mại dâm (14 lượt).

Như vậy, về HPBS so sánh cho thấy Toà án các cấp của tỉnh Cao Bằng cũng như các Toà án của tỉnh, thành phố khác áp dụng phổ biến vẫn là hình phạt tiền và quản chế, trong đó phạt tiền được áp dụng nhiều nhất. Phạt tiền áp dụng chủ yếu đối với tội tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy, các tội phạm về mại dâm, các tội tổ chức đánh bạc, đánh bạc, buôn lậu.

4. Những nhận xét các quy định của BLHS về phạt tiền là HPBS và thực tiễn áp dụng

4.1. Về các quy định của BLHS

Mặc dù so với BLHS năm 1985, các quy định của BLHS năm 1999 về phạt tiền đã có những sửa đổi, bổ sung mới, tiến bộ như đã trình bày ở mục 1 của bài

viết này, tuy thế theo tác giả vẫn còn có những hạn chế nhất định như sau:

a. Về Điều 30 BLHS

- Điều luật này đã không quy định rõ phạt tiền là HPBS được áp dụng kèm theo những hình phạt chính nào nên dẫn đến cách hiểu là nó có thể được áp dụng đối với mọi hình phạt chính bao gồm từ cảnh cáo đến tử hình được quy định trong BLHS năm 1999;

Điều luật nhấn mạnh phạt tiền là HPBS được áp dụng trước hết là đối với người phạm các tội tham nhũng và ma túy. Tuy nhiên loại hình phạt này trong thực tế thường được áp dụng đối với các tội có tính chất vụ lợi, các tội dùng tiền làm phương tiện hoạt động. Như vậy, nó cần phải quy định được phổ biến áp dụng không chỉ đối với các tội tham nhũng, ma túy mà còn với các tội xâm phạm sở hữu, các tội phạm xâm phạm trật tự kinh tế của nhà nước, môi trường mà điều này đã thể hiện rất rõ trong phần các tội phạm của bộ luật này.

Điều luật không có quy định trong trường hợp người bị kết án cố tình chây ì không nộp tiền phạt thì giải quyết như thế nào.

b. Về phạt tiền với tính chất là HPBS quy định trong Phần các tội phạm BLHS

Tất cả các tội phạm có quy định phạt tiền là HPBS đều ở dạng tùy nghi áp dụng, mặt khác, phạt tiền lại được quy định trong các chế tài lựa chọn với các HPBS khác có cùng tính chất như tịch thu tài sản - đây cũng là một biện pháp tác động về mặt kinh tế của người bị kết án, do đó dẫn đến tình trạng Toà án rất ít áp dụng phạt tiền.

- Về số lượng hình phạt tiền được quy định mở rộng hơn với tư cách cả là hình phạt chính và HPBS. Tuy nhiên, nếu như so với tổng số các chế tài tại phần các tội phạm BLHS thì tỷ lệ đó chưa cao. Trong một số trường hợp khi được áp dụng là HPBS, mức phạt tiền được quy định có khi bằng với mức phạt tiền được quy định trong hình phạt chính tại khung hình phạt đối với loại tội ấy. Việc quy định như vậy là có khó khăn cho người áp dụng luật do họ phải cân nhắc làm sao để bảo đảm được tính bình đẳng trong việc lựa chọn và quyết định hình phạt.

- Ngoài ra, nghiên cứu cho thấy nhà làm luật quy định mức tối thiểu và tối đa của hình phạt tiền còn quá rộng, không được cụ thể hoá theo từng khung hình phạt mà thường chỉ được quy định chung đối với tội danh, ví dụ người bị kết án về tội công nhiên chiếm đoạt tài sản có thể bị phạt tiền là HPBS từ 5 triệu đến 100 triệu đồng (Khoản 5 Điều 137 BLHS) hoặc người phạm tội về ma tuý theo các điều 193,194,196 thì ngoài hình phạt chính còn bị phạt tiền kèm theo từ 5 triệu đồng đến 500 triệu đồng. Quy định như vậy dễ dẫn đến không có sự áp dụng thống nhất trong các toà án, không đảm bảo khả năng cá thể hoá hình phạt, việc áp dụng hình phạt sẽ không tương xứng với hành vi phạm tội (quá nặng hoặc quá nhẹ).

Bên cạnh đó đối với một số tội phạm nhà làm luật còn quy định mức phạt theo số lần giá trị hàng phạm pháp hay số thu lợi bất chính, ví dụ phạt tiền từ một lần đến ba lần số tiền trốn thuế đối với tội trốn thuế (Khoản 4 Điều 161), phạt tiền từ một đến năm lần số lợi bất

chính đối với tội cho vay lãi nặng (khoản 3 Điều 163), phạt tiền từ một đến năm lần giá trị của hối lộ đối với tội nhận hối lộ (Khoản 5 Điều 279)...Việc quy định phạt theo cách trên là rất khó áp dụng, vì con số này thường không chính xác, chỉ dựa vào lời khai của người bị kết án mà thực tế ít khi họ khai đúng sự thật nên hiệu quả, mục đích của hình phạt không bảo đảm. Thực tiễn xét xử cũng rất hiếm khi các Toà án phạt tiền theo cách quy định này.

- Đối với nhiều tội phạm, trong điều luật về tội phạm đó nhà làm luật có quy định phạt tiền là hình phạt chính nhưng lại không quy định phạt tiền được áp dụng là HPBS, nên trong trường hợp áp dụng hình phạt chính khác thì lại không được áp dụng phạt tiền kèm theo bởi điều luật không quy định nó là HPBS. Trong khi nhiều tội phạm khác nhà làm luật quy định phạt tiền được áp dụng theo hai tư cách đó. Việc quy định như nêu trên rõ ràng không thể hiện tính nhất quán trong CSHS, hạn chế sự linh hoạt trong xử lý hình sự của các toà án.

4.2. Về áp dụng phạt tiền với tính chất là HPBS

Qua kết quả thu thập và phân tích số liệu về thực tiễn áp dụng HPBS ở một số tỉnh, thành phố nêu trên cho thấy việc áp dụng hình phạt tiền với tư cách là HPBS có ý nghĩa quan trọng trong việc hỗ trợ hình phạt chính thực hiện mục đích của hình phạt. Đồng thời nó có ý nghĩa cho việc phòng ngừa nhằm tránh nguy cơ tái phạm của người bị kết án.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được cũng còn có những hạn chế nhất định trong việc áp dụng loại hình phạt này:

Việc áp dụng hình phạt tiền với tư cách là HPBS trong thời gian qua so với các loại HPBS khác là nhiều nhất, tuy nhiên nhìn chung vẫn còn quá ít, tỷ lệ áp dụng hình phạt này là không tương xứng, mặc dù nó được quy định trong 100/264 điều luật về tội phạm, chiếm một tỷ trọng rất lớn. Những tội phạm bị Toà án áp dụng hình phạt này lại chủ yếu tập trung vào các tội phạm về ma tuý, các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước và một số loại tội xâm phạm trật tự công cộng. Có thể nói việc áp dụng HPBS này trong thời gian vừa qua chưa phát huy được tốt tác dụng của nó trong thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm và mong muốn của nhà làm luật. Lý giải cho những hạn chế trên của hình phạt tiền trong thực tiễn xét xử là do ngoài nguyên nhân về phương diện luật định như đã nêu trên còn có những nguyên nhân từ việc nhận thức về vai trò, ý nghĩa và công dụng xã hội của hình phạt tiền; và xung quanh những khó khăn, vướng mắc trong việc thi hành án phạt tiền.

- Như chúng ta đã biết quyết định hình phạt là hoạt động tư duy của các thành viên trong hội đồng xét xử trong việc lựa chọn loại và mức hình phạt áp dụng đối với người bị kết án sao cho phù hợp với tình tiết cụ thể của vụ án. HPBS này lại được BLHS quy định hoàn toàn ở dạng tùy nghi lựa chọn áp dụng nên việc quyết định nó lại phụ thuộc nhiều vào tâm lý của các thành viên của hội đồng. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân thường có quan niệm rằng việc áp dụng HPBS này là quyền chứ không phải là nghĩa vụ. Hơn nữa, do họ chưa nhận thức được hết tác dụng của HPBS trong việc hỗ trợ

hình phạt chính để đạt được hiệu quả cao nhất về giáo dục, cải tạo người phạm tội, phòng ngừa riêng cũng như phòng ngừa chung, đồng thời họ cũng chưa có thói quen áp dụng HPBS do tâm lý đơn giản hoá vai trò và tác dụng của HPBS cho nên trong thời gian qua các Toà án chủ yếu chú ý đến quyết định hình phạt chính mà coi nhẹ việc áp dụng HPBS trong đó có phạt tiền.

- Một số Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân chưa nắm chắc các quy định pháp luật về việc áp dụng HPBS này, chưa hiểu hết ý nghĩa, vai trò của nó nên còn có trường hợp tuyên HPBS cho tất cả các tội mà người bị kết án đã phạm hoặc áp dụng hình phạt này không cân nhắc những căn cứ quan trọng mà Điều 30 BLHS quy định, không có sự cá thể hoá hình phạt, đặc biệt là trong trường hợp đồng phạm.

Thực tiễn xét xử cho thấy một điều cũng rất đáng quan tâm là tuyệt đại đa số các trường hợp áp dụng hình phạt tiền chỉ kèm theo tù có thời hạn, chứ không áp dụng bổ sung cho các hình phạt chính khác.

- Mặc dù có những hạn chế, không thống nhất trong việc áp dụng HPBS nói chung và phạt tiền là HPBS nói riêng nhưng cho đến nay Toà án nhân dân tối cao chưa có tổng kết, đánh giá tình hình để có sự hướng dẫn kịp thời về hình phạt này, đồng thời trong thực tiễn áp dụng xét xử thường có ít trường hợp Toà án cấp trên nhận xét việc áp dụng HPBS nói chung và hình phạt đang nghiên cứu nói riêng đối với trường hợp cụ thể là sai hay là đúng mà chỉ nhận xét chung chung.

- Người bị kết án thì không nắm được bản chất của HPBS. Đa số người phạm tội khi được Toà án tuyên cả hình phạt chính và HPBS đều nghĩ rằng họ chấp hành xong hình phạt chính là xong, khi trở về nhà rồi thì không còn có tội nữa, HPBS chỉ là hình phạt phụ, tuyên phạt chỉ là để tuyên mà thôi, không thực hiện cũng chẳng sao.

5. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của hình phạt tiền với tư cách là HPBS

Qua phân tích và đánh giá tình hình lập pháp hình sự cũng như thực tiễn áp dụng và thi hành hình phạt tiền là HPBS và nghiên cứu kinh nghiệm của nước ngoài, tác giả đưa ra một số kiến nghị sau nhằm nâng cao hiệu quả của hình phạt này trong thực tiễn áp dụng và thi hành.

Thứ nhất, cần sửa đổi Điều 30 BLHS như sau:

1....

2. Phạt tiền được áp dụng là hình phạt bổ sung đối với người bị kết án cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn hoặc là tù chung thân về các tội phạm sở hữu. Các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, các tội phạm về môi trường, các tội phạm trật tự công cộng, các tội phạm tham nhũng, ma tuý hoặc những tội phạm khác do Bộ luật này quy định.

3...

4...

5. Trong trường hợp người bị kết án cố tình không nộp tiền phạt thì toà án quyết định chuyển hình phạt tiền sang

Hình phạt tù có thời hạn có mức tối thiểu là 3 tháng, mức tối đa là 2 năm⁽¹⁾.

Thứ hai, Phạm vi áp dụng hình phạt tiền với tính chất HPBS nên được mở rộng hơn nữa. Hình phạt này không chỉ giới hạn áp dụng đối với các tội xâm phạm sở hữu. Các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, các tội phạm về môi trường, các tội phạm trật tự công cộng, các tội phạm tham nhũng, ma tuý, đối với các tội gây thiệt hại về vật chất mà cần thiết quy định hình phạt này đối với cả các loại tội phạm khác gây thiệt hại về chính trị hoặc tinh thần. Cần phải quy định phạt tiền là HPBS đối với các tội phạm mà nhà làm luật đã quy định phạt tiền là hình phạt chính.

Thứ ba, Giảm bớt số chế tài về HPBS mà trong đó phạt tiền được quy định là HPBS không bắt buộc. Nên có quy định phạt tiền là HPBS bắt buộc, nhất là đối với các tội có tính chất vụ lợi, các tội tham nhũng, các tội có dùng tiền làm phương tiện hoạt động. Đối với phạt tiền là HPBS, nên quy định mức phạt tiền thấp hơn mức phạt tiền tại khung hình phạt được xem là hình phạt chính, đồng thời xem xét thu hẹp khoảng cách tối thiểu và tối đa của mức phạt tiền đối với một số tội để đảm bảo sự phân hoá và cá thể hoá hình phạt được chính xác từ đó khắc phục nhược điểm đã phân tích ở phần nhận xét nêu trên. Ngoài ra, trong trường hợp đã quy định phạt tiền là HPBS rồi thì không cần quy định hình phạt tịch thu tài sản đối với cùng một trường hợp phạm tội nhất định.

⁽¹⁾ Về cách chuyển đổi từ phạt tiền sang tù có thời hạn như thế nào sẽ do BLTTHS quy định.

Thứ tư: Để đảm bảo việc áp dụng và thi hành hình phạt tiền được thống nhất, có hiệu quả cao đòi hỏi các cơ quan chức năng cần ban hành Thông tư liên tịch hoặc Nghị quyết hướng dẫn việc áp dụng và thi hành án phạt tiền - đây là một đòi hỏi rất bức xúc hiện nay. Đồng thời các Tòa án cần có sự quan tâm, chú trọng

theo dõi, tổng kết thực tiễn xét xử và thi hành án phạt tiền một cách cụ thể để có thể phát huy hơn nữa hiệu quả áp dụng và thi hành hình phạt tiền trong thực tiễn, góp phần quan trọng trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay ở nước ta.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1999.
2. Lê Cẩm (chủ biên), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam* (Phần chung), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội (tái bản lần thứ nhất), 2003.
3. Trình Quốc Toàn, Hình phạt bổ sung trong tiến trình phát triển của luật hình sự Việt Nam, *Tạp chí Khoa học* (chuyên san Kinh tế-Luật), số1/2005.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, ECONOMICS-LAW, T.XXII, N₀1, 2006

FINE - A SUPPLEMENTARY PENALTY IN VIETNAM'S CRIMINAL LAW AND SOME PROPOSALS TO PERFECT

MA. Trinh Quoc Toan

Faculty of Law, Vietnam National University, Hanoi

The author has analyzed the development of fine regulations in Vietnam's Criminal Law: concept, content, condition and application scope of fine in the 1999 Criminal Code; the practical application of fine as a supplementary penalty at some Courts. On that basis, the author has pointed out some proposals to perfect this penalty and some solutions to improve the effective application of it as a supplementary penalty.